

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH LẠI THÀNH PHẦN MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

QUAN ĐIỂM CỦA MỘT SỐ NHÀ NHÂN HỌC PHƯƠNG TÂY VỀ TIÊU CHÍ ĐẶC ĐIỂM VĂN HOÁ TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN DÂN TỘC

PHAN NGỌC CHIẾN

Khái niệm văn hoá được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau, nhưng trong công tác xác định thành phần dân tộc, văn hoá thường được dùng với ý nghĩa là những nét văn hoá (culture trait). Đây là những hiện tượng riêng lẻ thuộc mọi phạm vi sinh hoạt, cả trong lĩnh vực văn hoá vật chất lẫn văn hoá tinh thần. Những hiện tượng mà nhiều học giả Pháp trước kia nêu ra làm tiêu chí phân biệt tộc người ở vùng Trường Sơn-Tây Nguyên như làm lúa nước, làm lúa rẫy, ở nhà sàn, ở nhà trệt, có nhà rông, không có nhà rông, theo chế độ mẫu hệ, theo chế độ phụ hệ... là những nét văn hoá đặc thù có thể dùng để phân biệt tộc người này với tộc người khác.

Trong ngành nhân học phương Tây, từ thập niên 50 của thế kỷ XX, có người đã bày tỏ sự bất đồng với quan điểm xem tộc người là một đơn vị văn hoá đồng nhất. Edmund Leach là người đầu tiên nêu vấn đề này một cách hệ thống và quan điểm của ông được nhiều học giả trong ngành chú ý. Trong một công trình nghiên cứu về

người Kachin ở Myanmar, Leach khẳng định rằng dân tộc này bao gồm những bộ phận dân cư nói các ngôn ngữ không hiểu nhau và có những dị biệt văn hoá rất rõ ràng (Leach 1954: 1). Ông cũng cho biết nhiều công trình nghiên cứu khác đã được thực hiện ở những vùng không có một sự trùng hợp biên giới của văn hoá với biên giới của tộc người. Ông không đồng ý với quan niệm cho rằng cộng đồng tộc người, ngoài ý thức tự giác dân tộc, nhất thiết phải có chung những biểu hiện văn hoá (ibid.: 218-2).

Trong thập niên 60, hai trong số những tác giả đồng quan niệm với Edmund Leach và được trích dẫn nhiều là Michael Moerman và Fredrik Barth. Moerman nghiên cứu về người Lue ở miền đông bắc Thái Lan và Barth nghiên cứu về người Pathans ở vùng biên giới Afghanistan và Pakistan. Moerman nhận xét rằng những nét văn hoá thường dùng để miêu tả đặc điểm của người Lue thì cũng thấy có ở những tộc người khác. Ông viết, “một nét văn hoá được cho là tiêu biểu của một tộc

người này lại được tìm thấy ở một tộc người khác” (Moerman 1965: 1218). Ví dụ, cái xà- rông màu xanh lá cây được xem như một đặc điểm văn hoá phân biệt người Khyn với dân tộc Lue láng giềng, nhưng ở một địa phương khác thì chính cái xà- rông màu xanh này lại là một nét văn hoá tiêu biểu cho người Lua (ibi.: 1218). Khi ông hỏi chính người Lue về những đặc điểm văn hoá tiêu biểu của họ thì họ nêu ra những nét văn hoá mà ông thấy những tộc người sống gần đó cũng có. Moerman cũng nhận xét rằng biên giới tộc người được xác định bằng một nét văn hoá nhất định nào đó lại không tương ứng với kết quả khi nó được xác định bằng một nét văn hoá khác (ibi.: 1215). Còn Fredrik Barth thì cho biết người Pathans nói về mình như một cộng đồng dân tộc thống nhất. Do đó, Barth cho rằng những biểu hiện văn hoá “không phải là những tiêu chuẩn dùng để phân biệt các cộng đồng dân cư khác nhau về mặt thành phần dân tộc” (Barth 1969a:119).

Khi dùng đặc điểm văn hoá để xác định thành phần dân tộc thì một khó khăn gặp phải là làm thế nào tìm ra nét văn hoá giữ vai trò chủ đạo trong việc định hình nên đặc điểm tộc người. Fredrik Barth nhận xét rằng cách tiếp cận này đã không xác định được những nét văn hoá chủ yếu khả dĩ đem áp dụng chung cho mọi trường hợp xác định thành phần dân tộc (1969b: 12-3). Về điểm này, Moerman đã nói rằng các nhà dân tộc học không nên giả định rằng một nét văn hoá nhất định nào đó, có thể quan sát được một cách khách quan từ bên ngoài, lại luôn luôn có một tầm quan trọng hay ý nghĩa như nhau đối với mọi cộng đồng người (1965:1220). Tôn giáo

chẳng hạn, đối với dân tộc A có thể là một nét văn hoá trung tâm gắn với bản sắc dân tộc, nhưng đối với dân tộc B có thể chỉ là một nét văn hoá ngoại vi không có tầm quan trọng như vậy.

Một khó khăn khác có thể gặp liên quan đến sự biến đổi văn hoá. Khi đặc điểm văn hoá thay đổi thì thành phần dân tộc có thay đổi theo hay không? Và có đặc điểm văn hoá nào lại bất biến qua thời gian chẳng? Có lẽ điều thường thấy là dân tộc nào cũng đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử với những nếp sống, nếp nghĩ, phong tục tập quán thay đổi theo thời gian, nhưng những biến đổi này không nhất thiết tạo ra một sự biến đổi song song về thành phần dân tộc. Spicer nghiên cứu người Yaqui và 9 tộc người khác nhau trong nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau và đã kết luận rằng, nếp sống của các tộc người này- bao gồm những sản phẩm vật chất, những cách thức làm ăn sinh sống, những tập tục xã hội, những tín điều tôn giáo và thế giới quan- đã thay đổi đáng kể qua thời gian nhưng tất cả vẫn còn giữ nguyên thành phần dân tộc của mình (Spicer 1980: 346). Fredrik Barth phát biểu về vấn đề này như sau: “... *khi người ta truy nguyên lịch sử của một dân tộc qua thời gian thì người ta không đồng thời thấy được lịch sử của ‘một văn hoá’...*” (dẫn trong Keyes 1997a: 152, in nghiên cứu trong nguyên tác). Hiện tượng này làm cho nỗ lực xác định một cách khách quan bản sắc văn hoá nào gắn với tộc người trở thành một công việc hết sức khó khăn.

Từ thập niên 70 trở đi, trong ngành nhân học ở phương Tây xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về tộc người với các

quan điểm lý thuyết khác nhau. Ở đây tôi muốn bàn đến quan điểm của nhà nhân học Charles Keyes, một người đã đến Việt Nam làm nhiều việc nhiều lần. Keyes cho rằng cơ sở của hiện tượng tộc người là ý thức của các thành viên trong một cộng đồng dân cư về một dòng dõi chung (nguyên gốc tiếng Anh là *common descent*) mà họ cùng chia sẻ. Ông viết, “một tộc người phải được quan niệm là một loại cộng đồng người kết hợp trên cơ sở dòng dõi bằng cách chỉ ra những đặc điểm văn hoá mà họ tin là họ cùng có chung với nhau” (Keyes 1976: 208). Cơ chế xác lập một dòng dõi chung này của một tộc người không giống như trong trường hợp một dòng họ xác lập gia phả bằng cách chỉ ra một ông hay bà tổ chung.

Theo Keyes, dòng dõi chung của một tộc người không nhất thiết phải là một sự kiện có thật. Chỉ niềm tin có chung một dòng dõi cũng có giá trị như sự kiện có chung một dòng dõi thật. Sở dĩ như vậy là vì, theo ông, bản chất của hiện tượng tộc người bắt nguồn từ cảm nhận, với tất cả những cảm xúc đi liền với nó, rằng mình thuộc về một cộng đồng nhất định không giống với những cộng đồng khác mà mình giao tiếp trong những sinh hoạt của cuộc sống. Cảm nhận của những người cùng một dân tộc về mối dây ràng buộc mà họ cùng chia sẻ đối với tiền nhân xa xưa thường được liên tục củng cố bằng những chuyện kể (mang tính lịch sử hay huyền thoại) về một nguồn gốc chung, về những đợt di cư của dân tộc, và nhất là về những nỗi thống khổ chung mà dân tộc đã trải qua dưới sự áp bức của người khác. Với một ý thức về nguồn gốc và quá trình lịch

sử chung như vậy, những cá nhân của một dân tộc hình thành bên trong tâm thức mình một sự đồng nhất hoá với tập thể dân tộc mình. Nói như nhà tư tưởng Pháp Bourdieu (1977) thì sự đồng nhất hoá đó đã trở thành một phần của “*habitus*” của một cá nhân, tức là một tập hợp những xu hướng tâm lý vô thức có tác dụng định hướng hành động cho cá nhân đó.

Hiểu như vậy, cơ sở của sự tồn tại của một cộng đồng dân cư với tính cách là một dân tộc không phải là bản thân những đặc điểm văn hoá, kể cả những đặc điểm rõ rệt mà một người quan sát từ bên ngoài có thể nhận thấy được. Những đặc điểm này sẽ không có ý nghĩa gì nếu chúng không được chính những thành viên của cộng đồng chọn và khoác cho một ý nghĩa. Ý nghĩa này thường có khả năng gợi cảm xúc cao mỗi khi người ta nghĩ đến nó trong lúc giao tiếp với các cộng đồng chung quanh, nhất là khi mỗi giao tiếp này không diễn ra một cách êm đẹp. Theo Keyes, tuy ý thức dân tộc vẫn là một, nhưng đặc điểm văn hoá biểu hiện tộc người có thể khác nhau ngay trong cùng một dân tộc tùy theo hoàn cảnh giao tiếp của từng bộ phận dân cư trong dân tộc đó. Gladney nghiên cứu về người Hui ở Trung Quốc và đã kết luận rằng 4 bộ phận dân cư của dân tộc này có những biểu tượng văn hoá riêng của họ. Đối với người Hui ở miền Tây Bắc Trung Quốc, đạo Hồi là đặc điểm văn hoá gắn liền với dân tộc. Đối với bộ phận người Hui ở miền Đông Nam Trung Quốc, nơi đạo Hồi hầu như vắng bóng, chỉ báo tộc người là tư cách thành viên của một dòng họ mà tổ tiên xa xưa là những người ngoại quốc theo đạo Hồi. Đối với người Hui ở các

đô thị, chỉ báo tộc người là những truyền thống văn hoá như kiêng ăn thịt heo, có tài buôn bán, và giỏi nghề thủ công. Đối với các cộng đồng Hui miền Bắc Trung Quốc, bản sắc dân tộc lại biểu hiện qua chế độ nội hôn đồng tộc (Gladney 1991: 321-3).

Vào năm 1997, trong một buổi nói chuyện tại Viện Dân tộc học ở Hà Nội, Keyes đã lập lại rằng những người có cùng ý thức dân tộc không hẳn có cùng chung văn hoá. Ông đưa ra hai ví dụ: các sinh viên Việt Kiều tại Đại học Washington, Seattle, Hoa Kỳ tự nhận họ là người Việt mặc dù họ không nói rành tiếng Việt và họ cũng không theo đa số những tập tục văn hóa thông thường được xem là của người Việt ở Việt Nam. Và những người Thái sống ở Hà Nội dù chia sẻ nhiều nét văn hoá với người Kinh hơn là với người Thái ở Lai Châu nhưng vẫn tự ý thức và tự nhận mình là người Thái. Qua đây Keyes khẳng định lại rằng con người nhận thức về thành phần dân tộc của mình thông qua ý thức về một dòng dõi chung chứ không phải thông qua sự chia sẻ một văn hóa chung (Keyes 1997b).

Hy vọng phần trình bày trên của tôi cung cấp được một số thông tin có liên quan đến công tác xác định lại thành phần một số dân tộc ở nước ta.

Tài liệu trích dẫn

1. Barth, Fredrik:

- 1969a. *Pathan identity and its maintenance*.

Trong *Ethnic groups and boundaries. The social organization of cultural difference*, Fredric Barth, chủ biên. Boston: little, Brown, tr. 117-34

- 1969b. *Introduction*. Trong *Ethnic groups and boundaries. The social organization of cultural difference*, Fredric Barth, chủ biên. Boston: little, Brown, tr 9-38.

2. **Bourdieu, Pierre.** 1997. *Outline of a theory of practice*. Cambridge: Cambridge University Press.

3. **Gladney, Dru C.** 1991. *Muslim Chinese. Ethnic Nationalism in the People's Republic*, Cambridge, Mass: Havard University Press, Havard East Asian Monographs, 149.

4. Keyes, Charles F.

- 1976. *Toward a new formulation of the concept of ethnic group*. *Ethnicity* 3. (3): 202-13.

- 1979a. *Ethnic groups, ethnicity*. Trong *The Dictionary of Anthropology*. Thomas Barfield, chủ biên. Malden, Mass: Blackwell Publishers Ltd., tr. 152-154.

- 1997b. Bài nói chuyện tại Viện Dân tộc học Hà Nội (băng cát xét), Trích dẫn với sự đồng ý của tác giả.

5. **Leach, Edmund Ronald.** 1954. *Political system of highland Burma. A study of Kachin social structure*, Cambridge, Mass: Harvard University Press.

6. **Moerman, Michael.** 1965. *Ethnic identification in a complex civilization: Who are the Lue?*, *Anthropologist* 67 (5): 1215-30.

7. **Spicer, Edward H.** 1980. *The Jaquis. A cultural history*. Tucson, Arizona: The University of Arizona Press.